

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH
MÃ NGÀNH: 8220201

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1118/QĐ-NTT ngày 14 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo

+ Tên tiếng Anh: English Linguistics

+ Tên tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ – Bachelor 7

Định hướng đào tạo: ☐ Nghiên cứu ☒ Ứng dụng

Khóa học áp dụng: 2022

Thời gian đào tạo: 02 năm

Tên văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh

Đơn vị đào tạo:

+ Khoa Ngoại ngữ

+ Địa chỉ văn phòng: Lầu 1, số 331 Quốc lộ 1A, Phường An Phú Đông, Quận 12,
Tp. HCM

+ Điện thoại liên lạc: 19002039 – Ext: 432

2. Các tiêu chí tuyển sinh và chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Yêu cầu đối với người dự tuyển:

Theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT, ngày 30/8/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành
Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, người dự tuyển đào tạo Thạc sĩ Ngôn
ngữ Anh phải có các điều kiện sau đây:

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ:

Về văn bằng

Người học phải tốt nghiệp đại học;

- + Của ngành phù hợp: Ngôn ngữ Anh, Sư phạm Tiếng Anh
- + Của một trong các ngành gần sau: Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả rập. Thí sinh tốt nghiệp các ngành gần phải học và đạt yêu cầu các môn bổ sung kiến thức được nêu trong *Bảng 1*.

Bảng 1. Các môn học bổ sung kiến thức

STT	Mã học phần	Môn học	Số tín chỉ
1	070302	Pronunciation (Luyện phát âm)	3
2	072487	Morphonology - Syntax (Hình thái học - Cú pháp học)	3
3	072493	Semantics (Ngữ nghĩa học)	2

Về trình độ ngoại ngữ

Có năng lực ngoại ngữ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

Các điều kiện khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
- Có đủ sức khoẻ để học tập.
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo.

3. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (viết tắt là: PLOs)

Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh		
Sau khi hoàn tất chương trình, học viên tốt nghiệp có thể:		
Kiến thức		
PLO1	K1	Phân biệt các khái niệm cơ bản và chuyên sâu trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh.
PLO2	K2	Phân tích vai trò và ảnh hưởng qua lại giữa các yếu tố ngôn ngữ, văn hoá, văn học trong đời sống xã hội.

PLO3	K3	Hệ thống hoá các kiến thức thực tế và kiến thức sâu, rộng về ngôn ngữ, văn hoá, văn học, dịch thuật, đào tạo tiếng Anh để phục vụ việc nghiên cứu, dịch thuật, đào tạo tiếng Anh.
Kỹ năng		
PLO4	S1	Phát triển cách tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến.
PLO5	S2	Kết hợp các cách thức truyền bá, phổ biến tri thức trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh thông qua các hoạt động công bố nghiên cứu, dịch thuật, đào tạo tiếng Anh.
PLO6	S3	Rà soát cải tiến nâng cao hiệu quả công tác dịch thuật, đào tạo tiếng Anh.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
PLO7	A1	Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi, có tinh thần học tập suốt đời.
PLO8	A2	Thể hiện thái độ tích cực trong việc tự học, tự nghiên cứu, đưa ra sáng kiến quan trọng có liên quan đến ngôn ngữ, dịch thuật, đào tạo tiếng Anh.

4. Các điều kiện bảo vệ đề án

- Học viên hoàn thành tất cả các môn học trong chương trình đào tạo.
- Có đơn xin bảo vệ đề án thạc sĩ, đồng thời phải có ý kiến của người hướng dẫn khoa học là đề án đạt các yêu cầu và đồng ý cho học viên bảo vệ đề án.
- Đáp ứng tỷ lệ trùng lặp đạo văn theo quy định của Nhà trường.
- Học viên không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kỷ luật đình chỉ học tập.
- Không trong thời gian xem xét giải quyết tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong đề án.
- Hoàn thành việc đóng học phí và kinh phí theo quy định.

5. Các điều kiện tốt nghiệp

- Có trình độ ngoại ngữ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- Bảo vệ đề án đạt yêu cầu, có điểm đạt từ 5,5 trở lên;

- Đã nộp đề án được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên theo đúng thời gian 30 ngày sau khi bảo vệ, có xác nhận của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng về việc đề án đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của Hội đồng đánh giá đề án và nhận xét của các phản biện cho Viện Đào tạo Sau đại học để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại Thư viện và lưu trữ;
- Hoàn thành lệ phí tốt nghiệp theo quy định.

6. Thang điểm

Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ và thang điểm 10 cụ thể như sau:

TT	Thang điểm 10	Điểm quy đổi sang điểm chữ	Thang điểm 4	Xếp loại
a) Loại đạt:				
1	8,5 – 10,0	A	4	Giỏi
2	7,0 – 8,4	B	3	Khá
3	5,5 – 6,9	C	2	Trung bình
b) Loại không đạt:				
4	Dưới 5,5	F	0	Kém

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Sau khi tốt nghiệp, học viên tốt nghiệp có thể:

- PO1: Hệ thống hoá kiến thức thực tế và kiến thức sâu, rộng về ngôn ngữ Anh, văn hoá, văn học, dịch thuật, và đào tạo tiếng Anh trong hoạt động nghề nghiệp
- PO2: Kết hợp các kiến thức chuyên sâu về chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn để nghiên cứu tìm ra giải pháp cho các vấn đề có liên quan đến ngôn ngữ, dịch thuật, đào tạo tiếng Anh.
- PO3: Có khả năng, thái độ tích cực trong việc tự học, tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi, tinh thần học tập suốt đời, có sáng kiến quan trọng có liên quan đến ngôn ngữ, dịch thuật, đào tạo tiếng Anh.

Sự phù hợp của mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra chương trình

Mục tiêu đào tạo (PO)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)							
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
PO1	✓	✓	✓					

PO2				✓	✓	✓		
PO3							✓	✓

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo

Phân tích năng lực nghề nghiệp của người làm nghề gồm năng lực chung và năng lực chuyên môn;

So sánh đối chiếu đảm bảo tuân thủ với Luật giáo dục đại học, Khung trình độ quốc gia và Thông tư quy định về khối lượng kiến thức của trình độ thạc sĩ (bậc 7).

Tổ chức Hội thảo DACUM để lấy ý kiến các bên liên quan về: các năng lực, công việc cần thực hiện theo từng năng lực; các kỹ năng cần có và các yêu cầu đặc biệt và tiên tiến khác của thời đại. Phân tích và tổng hợp ý kiến và xây dựng các Năng lực của Học viên tốt nghiệp.

Xây dựng Mục tiêu, Chuẩn Đầu ra của Chương trình đào tạo;

Lập ma trận tương quan giữa các yêu cầu năng lực học viên tốt nghiệp, mục tiêu chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình

Thiết kế cấu trúc Chương trình đào tạo, xác định các môn học cần đưa vào chương trình giảng dạy nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra. Đối chiếu, so sánh với các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế.

Xây dựng Đề cương chi tiết các học phần dựa trên Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phương pháp kiểm tra đánh giá, nội dung giảng dạy và lộ trình học tập để học viên đạt được các kết quả học tập mong đợi.

2. Môi liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA HV TN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
C1. Nghiên cứu về ngôn ngữ Anh và mối quan hệ giữa ngôn ngữ,	Phương pháp nghiên cứu trong Ngôn ngữ học (Research Methods in Linguistics) (3 tín chỉ)	9 môn	32 tín chỉ	48.5%
	Ngôn ngữ học tiếng Anh (English Linguistics) (3 tín chỉ)			
	Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis) (3 tín chỉ)			

văn hoá và văn học	Ngữ dụng học (Pragmatics) (3 tín chỉ)			
	Ngôn ngữ và Văn hoá (Language and Culture) (3 tín chỉ)			
	Ngôn ngữ và Văn học (Language and Literature) (2 tín chỉ)			
	Viết học thuật (Academic Writing) (3 tín chỉ)			
	Triết học (Philosophy) (3 tín chỉ)			
	Đề án (Project) (9 tín chỉ)			
C2. Dịch thuật và nghiên cứu về dịch thuật	Phương pháp nghiên cứu trong Ngôn ngữ học (Research Methods in Linguistics) (3 tín chỉ)	10 môn	42 tín chỉ	63.6%
	Dịch thuật (Translation Studies) (3 tín chỉ)			
	Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis) (3 tín chỉ)			
	Ngữ dụng học (Pragmatics) (3 tín chỉ)			
	Ngôn ngữ và Văn hoá (Language and Culture) (3 tín chỉ)			
	Ngôn ngữ và Văn học (Language and Literature) (2 tín chỉ)			
	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Trung (Second Foreign Language - Chinese) (4 tín chỉ)			
	Viết học thuật (Academic Writing) (3 tín chỉ)			
	Thực tập (Internship) (9 tín chỉ)			
	Đề án (Project) (9 tín chỉ)			
C3. Đào tạo tiếng Anh và nghiên cứu các vấn đề về đào tạo tiếng Anh	Phương pháp nghiên cứu trong Ngôn ngữ học (Research Methods in Linguistics) (3 tín chỉ)	12 môn	47 tín chỉ	71.2%
	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (Second Language Acquisition) (3 tín chỉ)			
	Phương pháp dạy Tiếng Anh cho người nước ngoài (TESOL Methodology) (3 tín chỉ)			
	Phương pháp dạy phát âm (Pronunciation Pedagogy) (3 tín chỉ)			

	Thiết kế chương trình (Curriculum Design and Materials Development) (3 tín chỉ)			
	Phương pháp kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ (Language Testing and Evaluation) (3 tín chỉ)			
	Học ngôn ngữ với sự hỗ trợ của máy tính (Computer-Assisted Language Learning) (3 tín chỉ)			
	Ngôn ngữ và Văn hoá (Language and Culture) (3 tín chỉ)			
	Ngôn ngữ và Văn học (Language and Literature) (2 tín chỉ)			
	Viết học thuật (Academic Writing) (3 tín chỉ)			
	Thực tập (Internship) (9 tín chỉ)			
	Đề án (Project) (9 tín chỉ)			

3. Tóm tắt các khối lượng kiến thức

Kiến thức toàn khóa học: 60 tín chỉ

Hướng ứng dụng:

Kiến thức	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Kiến thức đại cương/Khoa học cơ bản	7	11.6%
Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành	35	58.4%
Thực tập (9 tín chỉ)	9	15%
Đề án (9 tín chỉ)	9	15%
Kiến thức khác (nếu có)	0	

4. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
		Tổng số	LT	TH, TN, TL
Kiến thức đại cương/Khoa học cơ bản		7	105	0
1101073318	Triết học (Philosophy)	3	45	0

	Ngoại ngữ 2 (Second Foreign Language) <i>Chọn 1 trong 3 ngoại ngữ:</i>			
MAE822G01	-Tiếng Hàn - Korean Language	4	60	0
MAE822G02	- Tiếng Trung – Chinese Language			
MAE822G03	- Tiếng Nhật – Japanese Language			
Phần kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành		35	480	90
<i>Các học phần bắt buộc</i>		<i>26</i>	<i>345</i>	<i>90</i>
MAE822F01	Viết học thuật (Academic Writing)	3	30	30
MAE822F02	Phương pháp nghiên cứu trong Ngôn ngữ học (Research Methods in Linguistics)	3	30	30
MAE822F03	Ngôn ngữ học tiếng Anh (English Linguistics)	3	45	0
MAE822S01	Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)	3	45	0
MAE822S02	Ngữ dụng học (Pragmatics)	3	45	0
MAE822S03	Ngôn ngữ và Văn hoá (Language and Culture)	3	45	0
MAE822S04	Ngôn ngữ và Văn học (Language and Literature)	2	30	0
MAE822S05	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (Second Language Acquisition)	3	45	0
MAE822S06	Học ngôn ngữ với sự hỗ trợ của máy tính (Computer-Assisted Language Learning)	3	30	30

<i>Các học phần lựa chọn (Chọn 3 trong 5 môn)</i>		9	135	0
MAE822S07	Phương pháp dạy tiếng Anh cho người nước ngoài (TESOL Methodology)	3	45	0
MAE822S08	Phương pháp dạy phát âm (Pronunciation Pedagogy)	3	45	0
MAE822S09	Thiết kế chương trình và tài liệu giảng dạy (Curriculum Design and Materials Development)	3	45	0
MAE822S10	Phương pháp kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ (Language Testing and Assessment)	3	45	0
MAE822S11	Dịch thuật (Translation Studies)	3	45	0
Thực tập và tốt nghiệp		18	0	540
MAE822R01	Thực tập (Internship)	9	0	270
MAE822R02	Đề án (Project)	9	0	270
Tổng cộng		60	585	630

5. Phân bổ tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
HOC KỲ I			13	165	60	245		

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
1	1101073318	Triết học (Philosophy)	3	45	0	105	Elearning	Đánh giá tiến trình: chuyên cần, thảo luận nhóm, thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
2	MAE822G01 MAE822G02 MAE822G03	Ngoại ngữ 2 (Second Foreign Language) <i>Chọn 1 trong 3 ngoại ngữ:</i> -Tiếng Hàn - Korean Language - Tiếng Trung – Chinese Language - Tiếng Nhật – Japanese Language	4	60	0	140	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, học nhóm, tự học	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: kiểm tra viết và vấn đáp
3	MAE822F01	Viết học thuật (Academic Writing)	3	30	30	90	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, học nhóm, tự học	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận (viết Chương 1 và 2 của một đề án)

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
4	MAE822F02	Phương pháp nghiên cứu trong Ngôn ngữ học (Research Methods in Linguistics)	3	30	30	90	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận (viết đề cương đề án)
HỌC KỲ II				210	0	490		
5	MAE822F03	Ngôn ngữ học Tiếng Anh (English Linguistics)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
6	MAE822S01	Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
7	MAE822S02	Ngữ dụng học (Pragmatics)	3	30	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
8	MAE822S03	Ngôn ngữ và Văn hoá (Language and Culture)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
9	MAE822S04	Ngôn ngữ và Văn học (Language and Literature)	2	45	0	70	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
HỌC KỲ III				210	30	510		
10	MAE822S05	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (Second Language Acquisition)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
11	MAE822S06	Học ngôn ngữ với sự hỗ trợ của máy tính (Computer-Assisted Language Learning)	3	30	30	90	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
Chọn 3 trong 5 môn								
12	MAE822S07	Phương pháp dạy Tiếng Anh cho người nước ngoài (TESOL Methodology)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình, thực hành dạy Đánh giá tổng kết: tiểu luận
13	MAE822S08	Phương pháp dạy phát âm (Pronunciation Pedagogy)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình, thực hành dạy Đánh giá tổng kết: tiểu luận
14	MAE822S09	Thiết kế chương trình và tài liệu giảng dạy (Curriculum Design and Materials Development)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
15	MAE822S10	Phương pháp kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ (Language Testing and Assessment)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
16	MAE822S11	Dịch thuật (Translation Studies)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
HỌC KỲ IV			9	0	270	180		
17	MAE822R01	Thực tập (Internship)	9	0	270	180	Trải nghiệm thực tế	Viết báo cáo
HỌC KỲ V			9	0	270	180		
18	MAE822R02	Đề án (Project)	9	0	270	180	Làm đề án	Viết báo cáo Thuyết trình kết quả

6. Sự đóng góp của các học phần cho Chuẩn đầu ra chương trình

T T	Mã môn học	Tên môn học	Chuẩn đầu ra							
			PLO 1 K1	PLO 2 K2	PLO 3 K3	PLO 4 S1	PLO 5 S2	PLO 6 S3	PLO 7 A1	PLO 8 A2
1	1101073318	Triết học			I	I				P
2	MAE822G01 MAE822G02 MAE822G03	Ngoại ngữ 2			I		I			P
3	MAE822F01	Viết học thuật	I		I	I	I			P
4	MAE822F02	Phương pháp nghiên cứu trong Ngôn ngữ học	I		I	P	I			P
5	MAE822F03	Ngôn ngữ học tiếng Anh	P		I		I	P		P
6	MAE822S01	Phân tích diễn ngôn	P	P	P	P	P			P
7	MAE822S02	Ngữ dụng học	P	P	P	P	P			P
8	MAE822S03	Ngôn ngữ và Văn hoá		M	P	P	P			P
9	MAE822S04	Ngôn ngữ và Văn học		M	P	P	P			P
10	MAE822S05	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai	M		M	P	M	M	P	
11	MAE822S06	Học ngôn ngữ với sự hỗ trợ của máy tính	M		M	P	M	M	P	
12	MAE822S07	Phương pháp dạy tiếng Anh cho người nước ngoài	M		M	P	M	M	M	
13	MAE822S08	Phương pháp dạy phát âm	M		M	P	M	M	M	
14	MAE822S09	Thiết kế chương trình và tài liệu giảng dạy	M		M	P	M	M	M	
15	MAE822S10	Phương pháp kiểm tra và	M		M	M	M	M		M

		đánh giá năng lực ngôn ngữ								
16	MAE822S11	Dịch thuật	M		M	M	M	M		M
17	MAE822R01	Thực tập		M	M	M	M	M	M	
18	MAE822R02	Đề án		M	M	M	M	M		M

7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần (mỗi môn tóm tắt 100 – 200 từ)

Triết học: 3 tín chỉ

Học phần này nghiên cứu hệ thống các tri thức lý luận về lịch sử triết học, các quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về triết học, mối quan hệ giữa triết học và các khoa học, triết học về con người.

Học phần này bao gồm hệ thống các tri thức được phân bố thành 7 bài, với thời lượng 45 tiết, trong đó học viên được tiếp cận hệ thống các tri thức cơ bản như: Bài 1: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; Bài 2: Khái luận về triết học phương Đông; Bài 3: Khái luận về triết học phương Tây; Bài 4: Khái lược về triết học Mác – Lênin phần chủ nghĩa duy vật biện chứng; Bài 5: Khái lược về triết học Mác – Lênin phần chủ nghĩa duy vật lịch sử; Bài 6: Mối quan hệ giữa triết học và các khoa học; Bài 7: Triết học về con người.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Ngoại ngữ 2: 4 tín chỉ

Tiếng Hàn

Dựa trên nền tảng kiến thức đã học ở bậc Đại học và trình độ đầu vào tương đương chứng chỉ Topik cấp độ 3, học phần này cung cấp cho học viên lượng từ vựng, kiến thức ngữ pháp ở trình độ trung cấp, đồng thời rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, để học viên có thể đạt trình độ Topik cấp độ 4.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 60 tiết lý thuyết, 140 tiết tự học.

Tiếng Trung

Dựa trên nền tảng kiến thức đã học ở bậc Đại học và trình độ đầu vào tương đương chứng chỉ HSK cấp độ 3, học phần này cung cấp cho học viên lượng từ vựng, kiến thức ngữ pháp ở trình độ trung cấp, đồng thời rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, để học viên có thể đạt trình độ HSK cấp độ 4 và HSKK (Khẩu ngữ) trung cấp.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 60 tiết lý thuyết, 140 tiết tự học.

Tiếng Nhật

Dựa trên nền tảng kiến thức đã học ở bậc Đại học và trình độ đầu vào tương đương chứng chỉ N4, học phần này cung cấp cho học viên lượng từ vựng, kiến thức ngữ pháp ở trình độ

trung cấp, đồng thời rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, để học viên có thể đạt trình độ N3.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 60 tiết lý thuyết, 140 tiết tự học.

Viết học thuật: 3 tín chỉ

Học phần này bao gồm hai phần chính:

(i) Viết học thuật: phần này giúp học viên củng cố kiến thức cơ bản về ngữ đoạn (phrases), mệnh đề (clauses), câu (sentences), đoạn văn (paragraphs) và bài luận (essays) trong tiếng Anh và các vấn đề ngôn ngữ trong viết học thuật (language issues); và giới thiệu khái niệm viết học thuật, các đặc điểm và yêu cầu của viết học thuật;

(ii) Ứng dụng kỹ năng viết học thuật: phần này hướng dẫn học viên cách đề cương cho đề án; đồng thời học viên có cơ hội thảo luận, làm bài tập, và thực hành viết đề cương cho đề án thạc sĩ - đây là bước nền tảng giúp học viên có khái niệm tổng quan về yêu cầu của đề án thạc sĩ, từ đó học viên có thể thiết lập lộ trình chuẩn bị cho việc thực hiện viết đề án sau này.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành và 90 tiết tự học.

Phương pháp nghiên cứu trong Ngôn ngữ học: 3 tín chỉ

Học phần này nhằm cung cấp cho học viên kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học có hệ thống và chuyên nghiệp ở nhiều lĩnh vực. Cụ thể, học phần giúp học viên phân biệt các loại nghiên cứu, hướng dẫn cách đặt câu hỏi nghiên cứu, khảo cứu tài liệu, phát triển giả thuyết và khung lý thuyết, lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp và phân tích dữ liệu định tính và định lượng. Học phần còn giúp học viên có khả năng tổng hợp các nội dung này vào chiến lược nghiên cứu một cách hợp lý.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành và 90 tiết tự học.

Ngôn ngữ học tiếng Anh: 3 tín chỉ

Học phần này giúp học viên nghiên cứu chuyên sâu về các lĩnh vực trọng tâm của ngôn ngữ học tiếng Anh như cú pháp học, ngữ âm học, âm vị học, ngữ nghĩa học, hình thái học. Học phần này còn giúp học viên tiếp cận với những nghiên cứu mới nhất về từng lĩnh vực ngôn ngữ nêu trên; qua đó, học viên sẽ có sự hiểu biết sâu hơn về hệ thống ngôn ngữ Anh. Ngoài ra, học phần này còn giúp học viên tiếp cận các vấn đề lý thuyết và thực hành của việc giảng dạy ngôn ngữ học tiếng Anh, và các vấn đề về sử dụng sách giáo khoa và phát triển tài liệu cho việc giảng dạy Ngôn ngữ học tiếng Anh.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Phân tích diễn ngôn: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên các cách tiếp cận với việc phân tích diễn ngôn đối với văn bản nói và viết. Cụ thể, học viên được tiếp cận với các yếu tố ảnh hưởng đến ý

nghĩa của người nói/người viết. Qua đó, học viên có thể liên hệ với việc giảng dạy Tiếng Anh cũng như với việc dịch thuật Anh-Việt. Học phần này bao gồm các chủ đề tổng quan về phân tích diễn ngôn, và các kiến thức nền tảng về phân tích diễn ngôn như là văn bản và mối quan hệ của văn bản với văn hoá (discourse and its relation to culture), thế giới quan và hệ tư tưởng (worldviews and ideology), cấu trúc văn bản (discourse structure), và văn bản và phương tiện (discourse and medium).

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Ngữ dụng học: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên các thuật ngữ và khái niệm chính trong lĩnh vực ngữ dụng học, các vấn đề lý thuyết và thực hành của việc giảng dạy ngữ dụng học, và các vấn đề về sử dụng sách giáo khoa và phát triển tài liệu cho việc giảng dạy ngữ dụng học. Đồng thời, học phần này còn bao gồm các vấn đề về ngữ dụng học trong giao tiếp liên văn hóa nhằm nâng cao nhận thức của học viên về ngữ dụng học của ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích, cũng như các ngôn ngữ khác.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Ngôn ngữ và Văn hoá: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên kiến thức về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa. Từ đó, học viên sẽ có cái nhìn toàn diện hơn về lịch sử phát triển của ngữ học văn hóa (cultural linguistics), về ngữ học sắc tộc (ethnolinguistics), về giao tiếp liên văn hóa (intercultural communication), về sự phát triển của lĩnh vực nghiên cứu liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa ... Qua đó, học viên sẽ có nhận thức cao hơn về mối quan hệ phức tạp giữa ngôn ngữ và văn hóa, thông qua yếu tố ngôn ngữ để hiểu hơn về văn hoá và thông qua yếu tố văn hoá để hiểu hơn về ngôn ngữ.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Ngôn ngữ và Văn học: 2 tín chỉ

Học phần này giúp học viên làm quen với phong cách viết và hướng dẫn học viên cách áp dụng kiến thức ngôn ngữ học vào việc phân tích văn chương. Trước tiên, học viên sẽ được ôn lại các kiến thức trọng tâm về ngôn ngữ học, sau đó sẽ được hướng dẫn cách thức phân tích các tác phẩm văn chương bằng kiến thức ngôn ngữ học đã có. Học viên sẽ có cơ hội tiếp cận với phong cách phê bình văn chương, với nhiều thể loại văn chương gắn liền với các nền văn hoá khác nhau từ thơ ca và các tác phẩm văn học đương đại đến truyện tranh và quảng cáo. Nhờ đó, học viên sẽ nắm vững cả 2 lĩnh vực: ngôn ngữ học và văn chương. Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 tiết lý thuyết và 70 tiết tự học.

Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên các học thuyết chính về thụ đắc ngôn ngữ hai từ nhiều góc nhìn. Học phần bao quát các quan điểm hiện đại về thụ đắc ngôn ngữ hai, gồm

quan điểm, phạm vi và cách từng quan điểm nhìn nhận về ngôn ngữ, người học, và quá trình thụ đắc ngôn ngữ. Ngoài ra, học phần còn hướng dẫn học viên cách thức áp dụng các học thuyết về thụ đắc ngôn ngữ thứ hai vào việc dạy tiếng Anh như là một ngoại ngữ.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Học ngôn ngữ với sự hỗ trợ của máy tính: 3 tín chỉ

Học phần này giới thiệu cho học viên nhiều vấn đề có liên quan đến việc học ngôn ngữ với sự hỗ trợ của máy tính (CALL). Cụ thể, học phần này nghiên cứu các khía cạnh cốt lõi của CALL, cung cấp cho học viên nhiều thông tin, tài liệu và tài nguyên hữu ích cho giáo viên, nhà giáo dục, các nhà nghiên cứu và đặc biệt là người học ngôn ngữ. Thông qua các hoạt động thảo luận, học viên hiểu rõ hơn về vai trò của máy tính trong học ngôn ngữ và cách thức sử dụng máy tính trong việc học ngoại ngữ một cách hiệu quả.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành và 90 tiết tự học.

Phương pháp dạy tiếng Anh cho người nước ngoài: 3 tín chỉ

Học phần này bao quát các vấn đề chính trong dạy ngữ vựng, ngữ pháp, kỹ năng đọc, kỹ năng viết, kỹ năng nói, và kỹ năng nghe. Học phần hướng dẫn cho học viên cách vận dụng kết quả nghiên cứu hiện đại về phương pháp dạy tiếng Anh vào lớp học, nhấn mạnh những ảnh hưởng của kiến thức hiện đại trong việc dạy học, và tìm hiểu ý nghĩa của “methods” và “methodology” và ảnh hưởng của nhận thức, quan điểm, kiến thức của giáo viên trong việc dạy học.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Phương pháp dạy phát âm: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức, nguyên lý và kỹ năng trong việc dạy phát âm tiếng Anh cũng như việc chọn giáo trình giảng dạy bộ môn phát âm. Cụ thể, học viên sẽ được giảng dạy lý thuyết chuyên sâu về ngữ âm học và những vấn đề liên quan đến phát âm tiếng Anh của người học. Đồng thời, học viên sẽ nghiên cứu sâu rộng và tìm hiểu một cách chi tiết các nguyên lý cốt lõi và phương pháp giảng dạy phát âm hiện đại, tính ứng dụng của những kết quả nghiên cứu hiện thời trong thực tiễn giảng dạy phát âm tiếng Anh. Bên cạnh đó, học viên còn có cơ hội rèn luyện và phát triển kỹ năng giảng dạy bộ môn phát âm một cách khoa học và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu người học.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Thiết kế chương trình và tài liệu giảng dạy: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức, nguyên lý và kỹ năng trong việc thiết kế, đánh giá và cải tiến chương trình tiếng Anh cũng như giáo trình giảng dạy. Cụ thể, học viên sẽ tìm hiểu và nghiên cứu về các loại khóa học, nội dung chương trình và giáo trình cũng như những nguyên lý cốt lõi trong thiết kế chương trình và phát triển tài liệu giảng dạy để có thể tự mình đánh giá các khóa học tiếng Anh và học liệu dựa trên

những nguyên lý này. Bên cạnh đó, học viên còn có cơ hội phát triển kỹ năng phân tích nhu cầu người học, xác định mục tiêu khóa học, nội dung dạy và học để có thể thiết kế chương trình và giáo trình một cách khoa học.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Phương pháp kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ. Trước tiên, học viên được tiếp cận với những vấn đề thường gặp trong thực tế về kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ; qua đó, học viên sẽ hiểu hơn về các vấn đề thuộc lĩnh vực này. Cụ thể, học viên sẽ được hiểu về mục đích của kiểm tra đánh giá, cách thức kiểm tra đánh giá các kỹ năng tiếp nhận (receptive skills), các kỹ năng sản sinh (productive skills) và các kỹ năng tương tác (interactive skills), cũng như các xu hướng hiện nay trong kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ. Ngoài ra, học viên được khuyến khích phát triển tư duy phê phán về kiểm tra đánh giá và đưa ra các giải pháp cho các vấn đề kiểm tra đánh giá trong bối cảnh làm việc cụ thể.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Dịch thuật: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên lý thuyết biên dịch, khái niệm biên dịch, các bước thực hiện một bản dịch, tiêu chí đánh giá một bản dịch, các nguyên tắc biên dịch, phân tích văn bản, mục đích của tác giả, văn phong, chất lượng văn bản, sắc thái nghĩa biểu vật và biểu niệm. Ngoài ra, học phần này còn giúp học viên tiếp cận với các nghiên cứu mới nhất về dịch thuật, các vấn đề thường gặp trong dịch thuật và những giải pháp cho các vấn đề này.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Thực tập: 9 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên cơ hội trải nghiệm nghề nghiệp thực tế. Học viên sẽ được tiếp cận với môi trường làm việc thực tế tiên tiến trong hoặc ngoài nước, làm quen và tìm hiểu các công việc học viên có thể làm sau tốt nghiệp như dịch thuật và/hoặc nghiên cứu về dịch thuật, xây dựng và/hoặc nghiên cứu về chương trình đào tạo, giảng dạy và/hoặc nghiên cứu về giảng dạy tiếng Anh. Đây là cơ hội giúp học viên ứng dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn công việc; từ đó, học viên có cơ sở đầy đủ hơn, chính xác hơn cho việc xác hướng hoạt động chuyên môn sau khi tốt nghiệp.

Thời lượng học phần này là 270 tiết thực hành và 180 tiết tự học.

Đề án: 9 tín chỉ

Học phần này nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho học viên nghiên cứu và thực hiện đề tài khoa học về chuyên ngành đã học sau khi hoàn thành các học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học viên có thể thực hiện nghiên cứu về ngôn ngữ; mối quan hệ

qua lại giữa ngôn ngữ, văn hoá và văn học; dịch thuật và đào tạo tiếng Anh. Đây là tiền đề quan trọng để học viên lựa chọn nghề nghiệp của mình như nghiên cứu, dịch thuật, đào tạo tiếng Anh hoặc tiếp tục theo học bậc cao hơn.

Thời lượng học phần này là 270 tiết thực hành và 180 tiết tự học.

IV. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐÃ THAM KHẢO

Nội dung đối sánh	CTĐT thạc sĩ Ngôn ngữ Anh của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT thạc sĩ Ngôn ngữ Anh của Trường ĐH Văn Lang	CTĐT thạc sĩ Ngôn ngữ Anh của Trường ĐH Thủ Dầu Một	CTĐT thạc sĩ Ngôn ngữ học ứng dụng của Trường ĐH Melbourne, Úc	CTĐT thạc sĩ Ngôn ngữ học ứng dụng của Trường Victoria, New Zealand	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	60 TC	60 TC	60 TC	200 TC	180 TC	Số tín chỉ của chương trình ĐH NTT bằng với 2 trường ở Việt Nam, nhưng ít hơn 2 trường nước ngoài; tuy nhiên, gần 90% thời lượng của chương trình nước ngoài là dành cho tự nghiên cứu.
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn hoặc số tín chỉ)	16 học phần	17 học phần	16 học phần	19 học phần	12 học phần	Số học phần của chương trình ĐH NTT tương đồng với 2 trường ở Việt Nam, ít hơn trường Melbourne nhưng nhiều hơn trường Victoria.
- Học phần đại cương/Khoa học cơ bản	2 học phần 7 TC	2 học phần 8 TC	4 học phần 13 TC	0	0	Số học phần đại cương của chương trình ĐH NTT bằng ĐH VL nhưng ít hơn của ĐH TDM, 2

							trường nước ngoài không có học phần đại cương.
- Học phần cơ sở và cốt lõi ngành	12 môn 35 TC	14 môn 42TC	11 môn 32 TC	19 môn	12 môn	Số học phần cơ sở và cốt lõi ngành trong chương trình ĐH NTT tương đồng với ĐH TDM và ĐH Victoria, ít hơn ĐH VL và ít hơn nhiều so với ĐH Melbourne.	
- Thực tập và tốt nghiệp	Thực tập: 9 TC Đề án: 9 TC	Luận văn: 10 TC	Luận văn: 15 TC	0	Học viên có thể chọn viết luận văn hoặc chỉ tích lũy tín chỉ - Luận văn: 30 TC		
- Học phần khác	0	0	0		0	Trong chương trình ĐH NTT, thực tập là học phần bắt buộc. chiếm 15%; tại ĐH TDM, thực tập là học phần tự chọn, ĐH VL và 2 trường nước ngoài không có học phần thực tập. Trường ĐH NTT yêu cầu học viên làm đề án, 2 trường ở VN yêu cầu học viên làm luận văn, ở 2 trường nước ngoài, luận văn là học phần tự chọn.	

Phương pháp giảng dạy/học tập	Dạy trực tiếp (Giao tiếp) Tự học, tự nghiên cứu					
Học phí toàn khoá	75 triệu	80 triệu	45 triệu	61.073 AUD	44,061 NZD	Học phí của chương trình ĐH NTT thấp hơn ĐH VL, cao hơn ĐH TDM (trường công)
Thời gian đào tạo	2 năm, tối đa 4 năm	24 tháng, tối đa 48 tháng	2 năm	2 năm	1.5 năm	Thời gian đào tạo giống nhau giữa các trường, riêng ĐH Victoria yêu cầu học viên có 2 năm kinh nghiệm làm việc nên thời gian đào tạo ít hơn.

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hình thức tổ chức giảng dạy

- Học phần Triết học: Nhà trường tổ chức học chung cho học viên cao học ở tất cả các ngành học ở bậc thạc sĩ.
- Học phần Ngoại ngữ 2: Nhà trường tổ chức dạy tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật, tiếng Hàn Quốc cho học viên cao học ở tất cả các ngành học ở bậc thạc sĩ. Học viên được miễn học ngoại ngữ nếu có chứng chỉ theo quy định.
- Các học phần cơ sở và cốt lõi ngành: Do khoa Ngoại ngữ phụ trách, được tổ chức giảng dạy trực tiếp trên lớp kết hợp với giảng dạy trực tuyến và E-learning.
- Học phần thực tập: Học viên được trải nghiệm thực tế chuyên môn trong môi trường quốc tế. Nếu vì lý do khách quan, việc thực tập không thể triển khai ở nước ngoài, học viên sẽ thực tập tại các doanh nghiệp ở Việt Nam. Học viên sẽ có cơ hội tiếp cận với 1 trong những công việc có liên quan đến nội dung được đào tạo như nghiên cứu, dịch thuật, đào tạo tiếng Anh.
- Học phần đề án: Học viên làm đề án dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Học viên chọn 1 đề tài có liên quan đến nội dung được đào tạo như nghiên cứu về ngôn ngữ và/hoặc các vấn đề có liên quan đến ngôn ngữ, dịch thuật, đào tạo tiếng Anh.

2. Hình thức kiểm tra, đánh giá

- Các học phần học trực tiếp: Học viên phải có điểm kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ:
 - Kiểm tra giữa kỳ: Học viên được đánh giá trong quá trình học thông qua nhiều hình thức như kiểm tra, bài tập nhóm, thuyết trình. Điểm kiểm tra giữa kỳ chiếm 40%.
 - Kiểm tra cuối kỳ: Học viên được yêu cầu làm tiểu luận. Điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 60%.
- Học phần thực tập: Học viên tham gia trải nghiệm và viết báo cáo thu hoạch.
- Học phần đề án: Học viên viết đề án và trình bày trước Hội đồng đánh giá.

3. Mô tả thêm các hướng dẫn khác do các đơn vị đào tạo, ngành đào tạo yêu cầu

Học viên viết báo cáo thu hoạch cho học phần Thực tập và Đề án theo hình thức, phong cách do Trường quy định.

4. Yêu cầu về cơ sở vật chất

- Phòng học được trang bị các thiết bị nghe nhìn, máy chiếu, loa, bàn ghế linh hoạt để thực hiện các hoạt động cặp, nhóm.
- Phòng Lab để học các môn đặc thù như Giảng dạy phát âm tiếng Anh, CALL.

HIỆU TRƯỞNG



TS. TRẦN ÁI CÀM

P. TRƯỞNG KHOA

TS. NGUYỄN THỊ NGUYỆT ÁNH